

Nhớ lại một số hoạt động & bài học 'HOÀN CHỈNH THỦY NÔNG' những năm 1970

Nguyễn Xuân Tiệp
CCWR – VNCOLD

Giới thiệu:

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam đã khánh thành Tượng Cụ Trần Đăng Khoa Bộ trưởng Bộ Thủy lợi, Giám đốc Học viện Thủy lợi đầu tiên cũng là nhà khoa học thủy lợi thực thụ



Cũng có thể có người trong ngành thủy lợi, kể cả cán bộ chủ chốt chưa biết đến ông Bộ trưởng đầu tiên của ngành. Đó là cụ Trần Đăng Khoa. Đã có nhiều bài viết về cụ, nhân dịp này tôi muốn nhắc đến những dấu ấn của cụ để lại bằng những công trình cụ thể nổi bật tầm cỡ quốc tế, quốc gia có sự đóng góp của cụ + Đập Bái Thượng thuộc hệ thống thủy lợi Sông Chu Thanh hóa được xây dựng trước những năm 30 của thế kỷ trước, một công trình được ghi danh tầm cỡ thế giới. Cụ Khoa là người Việt Nam được tham gia thiết kế

+ Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải lớn nhất nước không chỉ trước đây mà cả hiện tại, với nhiều kỳ tích không chỉ là kỹ thuật phức tạp, qui mô, mà là sự thể hiện của sức mạnh của trí tuệ, sức dân, sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ, nhà nước, phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm” (báo cáo “60 năm xây dựng và phát triển hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải” 1959 – 2019 của Công ty TNHH một thành viên khai thác CTTL Bắc Hưng Hải có đề cập vai trò của cụ Trần Đăng Khoa trong chỉ đạo khảo sát thiết kế, kế hoạch tổ chức thi công)

+ Hoàn chỉnh thủy nông (1973 – 1975), một chủ trương lớn của Đảng, nhà nước, thực hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm” thành công nhất trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi, là bài học lớn trong việc hoạch định chính sách trong giai đoạn hiện này, nhưng ít người quan tâm .

Trong thời gian này Cụ Trần Đăng Khoa công tác tại Quốc Hội, là giai đoạn “cuối đời”, nhưng vì đam mê nghề nghiệp, nên cụ đã tham gia tích cực đối với lĩnh vực công tác này. Cụ là Phó ban Chỉ đạo Hoàn chỉnh thủy nông Trung ương, phụ trách kỹ thuật thủy lợi (Trưởng ban là Cụ Trần Mạnh Quì, Phó ban phụ trách kỹ thuật Nông nghiệp là GS TS NGND Lê Duy Thuộc)

Công tác “Hoàn chỉnh thủy nông”, quá trình và kết quả đạt được

Sau hơn 10 năm hoạt động (1955 – 1965) các hệ thống thủy lợi hiện có đã bộc lộ một số tồn tại (xây dựng chưa đồng bộ, không phù hợp với qui hoạch, tổ chức quản lý yếu kém, cơ chế chính sách chưa hoàn chỉnh..) dẫn đến hiệu quả khai thác công trình chưa cao.

Năm 1967, Bộ Thủy lợi đã thành lập các đoàn công tác, tiến hành đánh giá lại qui hoạch các hệ thống thủy nông lớn ở các tỉnh thuộc ĐBSH, Bắc khu bốn, để trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt qui hoạch thực hiện điều chỉnh qui hoạch, phê duyệt qui hoạch và thực hiện hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông

Cùng thời gian, UB Thanh tra của Chính phủ đã phối hợp với Bộ Thủy lợi và các bộ liên quan đã tiến hành “kiểm tra một số một số hệ thống công trình thủy nông”

“Trong phiên họp ngày 22 và 23 tháng 2 năm 1972, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã nghe UB Thanh tra Chính phủ báo cáo kết quả kiểm tra , Bộ thủy lợi và một số ngành có trách nhiệm báo cáo về biện pháp tăng cường công tác thủy nông trong những năm tới và trong phiên họp ngày 26 thnags 5 năm 1972, Thường vụ Hội đồng Chính phủ nghe đồng chí Hoàng Anh (Trương ban

Nông Nghiệp Trung ương – Nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) báo cáo về tổ chức chỉ đạo việc hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông..” Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã ban hành “ Nghị Quyết số 118 – CP ngày 16-6-1972 của Hội đồng Chính phủ về việc “ Hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy nông”

Nghị quyết đã khẳng định :

“ Từ ngày ngày hòa bình lập lại đến nay (1972)Nhà nước đã đầu tư khá nhiều tiền của, nhân dân ta đã bỏ nhiều công sức vào việc khôi phục và xây dựng mới nhiều công trình thủy nôngTuy nhiên so với yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống của nhân dân, so với tiền của, công sức đã bỏ ra, kết quả đạt được còn rất thấp. Nhiều hệ thống xây dựng đã lâu, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn chỉnh, tình hình úng, hạn chưa được khắc phục có hiệu quả, có nơi còn bị rửa trôi làm đất bạc màu, thoái hóa...” Một trong số nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do “ qui hoạch, thiết kế hệ thống công trình chưa đúng, thi công còn nhiều khuyết điểm...tổ chức quản lý nhiều thiếu sót,....qui hoạch đồng ruộng chưa tốt ...”

“ Đi đôi với việc xây dựng mới , phải tập trung sức nhanh chóng hoàn chỉnh các công trình đã được xây dựng, phát huy hiệu quả các công trình sẵn có , tăng cường tổ chức và đưa việc quản lý thủy nông vào nền đi vào hạch toán, đáp ứng yêu cầu thâm canh có kết quả”

Nghị quyết đã chỉ đạo các địa phương ; *“Chấn chỉnh và tăng cường tổ chức quản lý, khai thác thủy nông, đưa công tác quản lý thủy nông vào nền nếp vào chế độ và gắn với đồng ruộng. Mặt khác phát huy vai trò của nó trong việc hoàn chỉnh thủy nông và quản lý công trình. Sau một hoặc 2 năm phải xây dựng xong hệ thống tổ chức chuyên trách về quản lý thủy nông từ trung ương đến cơ sở.”..Đồng thời Nghị quyết đã chỉ thị các địa địa phương “ Phát động phong trào cách mạng sôi nổi trong cán bộ và quần chúng, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, hăng hái tham gia vào hoàn chỉnh thủy nông , đẩy mạnh việc xây dựng đồng ruộng, bảo đảm tưới tiêu chủ động và sử dụng nước một cách hợp lý theo yêu cầu thâm canh, kiên quyết khắc phục thực trạng để nước chảy tràn, rửa trôi màu mỡ và lãng phí nước ..”*

Căn cứ vào chức trách nhiệm vụ của ngành Thủy lợi và Nông nghiệp với việc *“ đẩy mạnh hoàn chỉnh thủy nông, Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã quyết định (Số 120 – CP, ngày 18/6/1972) chuyển Cục thủy nông và các bộ phận chuyên trách thủy nông ..ở Bộ Thủy lợi sang Ủy ban nông nghiệp trung ương. (Nay là Bộ NN và PTNT) thành lập Ban chỉ đạo hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông ở Trung ương để giúp Hội đồng Chính phủ chỉ đạo toàn bộ toàn bộ công tác thủy nông...Ban chỉ đạo hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông trung ương do một Phó Thủ tướng phụ trách và đại diện của các ngành : Bộ Thủy lợi, UBNN Trung ương....., “Cục thủy nông là cơ quan giúp việc cho ban chỉ đạo hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy nông trung ương.. “*

Nghị quyết cũng đã khẳng định vai trò của cấp ủy Đảng chính quyền địa phương phải tập trung sức để làm tốt .. “phải có kế hoạch huy động các ngành ở địa phương, động viên và tổ chức quần chúng góp công, góp sức hoàn chỉnh thủy nông..”

Ngày 15 – 11 năm 1972 Thường vụ Hội đồng Chính phủ họp, đã có Nghị quyết 231/CP ngày 19/12/1972 (Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký), trong đó đã nhận định *“Việc triển khai công tác hoàn chỉnh thủy nông ở địa phương thời gian qua chậm, hiệu quả thấp”*, đã đưa ra nhiều biện pháp về qui hoạch, thiết kế, thi công, chất lượng. Đặc biệt nhấn mạnh *“Song song với việc hoàn chỉnh hệ thống thủy nông cần nhanh chóng kiện toàn tổ chức quản lý..”*

Đến ngày 11 tháng 10 năm 1973 Hội đồng Chính phủ đã ký quyết định số 166-CP (do Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị ký) về việc *“Giao nhiệm vụ hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy nông cho Bộ Thủy lợi”* và *“Ủy ban nông nghiệp Trung ương chuyển cho Bộ Thủy lợi trực tiếp quản lý toàn bộ Cục Thủy nông và phụ trách các nhiệm vụ công tác thủy nông như đã qui định...”* (Điều 3)

Trong 3 năm (1973 – 1975) thực hiện Nghị định 118-CP về *“hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông”* Bộ thủy lợi đã chỉ đạo 11 tỉnh đông bằng Bắc bộ, Trung bộ, 2 tỉnh Trung du (Hà Bắc, Vĩnh phú) và 3 tỉnh khu 4 cũ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh) tập trung lực lượng để hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy nông hiện có. Hoàn chỉnh thủy nông đã thành một phong trào, nông dân đã đóng góp hàng vạn ngày công đào đắp hàng triệu mét khối đất (xây dựng, tu bổ, sửa chữa hệ thống thủy lợi).

Kết quả 3 năm đã hoàn chỉnh 669.250 ha cả tưới và tiêu trên cùng một diện tích, 128.000 ha riêng về tưới, 50.300 ha riêng về tiêu với vốn đầu tư của nhà nước 250 triệu đồng (tương đương khoảng 2.500 tỷ đồng ước tính theo giá hiện nay). chưa kể hơn 15 triệu ngày công được huy động từ nông dân để đào đắp trên 12 triệu m³ đất kênh mương các cấp (kể cả cấp kênh khoảnh), đã hình thành 6 hệ thống thủy nông liên tỉnh, 13 hệ thống thủy nông liên huyện, 204 hệ thống thủy nông liên xã (có diện tích phục vụ từ 100 ha trở lên), chưa kể các hệ thống thủy nông đang được xây dựng.

Đặc biệt là nhà nước đã hỗ trợ đầu tư đến khoảnh ruộng (mỗi khoảnh tương đương 5 ha), mỗi ha hỗ trợ 5 đồng (giá hiện hành) tương đương 500.000 đ theo giá hiện nay (gấp hơn 3 lần mức thủy lợi phi nội đồng nông dân đang phải trả cho tổ chức hợp tác dùng nước (HTDN) theo qui định, kinh phí này chỉ hỗ trợ một phần cho nông dân để xây dựng bờ vùng, phần lớn khối lượng đào đắp đều huy động từ sức dân là chính, nhằm tạo ra một hệ thống thủy lợi khép kín từ đầu mỗi đến mặt ruộng.

Theo tài liệu tổng kết thì đến năm 1975 đã có 11 huyện hoàn thành dứt điểm nhiệm vụ hoàn chỉnh thủy nông 3 năm 1974 – 1976 trước thời hạn 1 năm. Đây là mô hình đảm bảo đầy đủ tiêu chí về thủy lợi, đáp ứng yêu cầu thâm canh trong nông nghiệp, tạo điều kiện cơ giới hóa nông nghiệp, đa dạng hóa cây trồng

Bước sang những năm đầu của thời kỳ 1976 – 1980 “*Phong trào quần chúng làm hoàn chỉnh thủy nông đã được mở rộng ở nhiều nơi, hiệu quả tươi và tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp rõ nét.*” (Chỉ thị của Thường vụ HĐCP về công tác hoàn chỉnh thủy nông tháng 12/1975) Và báo cáo của Chính phủ về nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1980 đã khẳng định “*.....đẩy mạnh thâm canh ở những vùng đã chủ động về nước, những vùng chưa chủ động về nước phải bố trí cây trồng hợp lý đảm bảo ăn chắc ...đảm bảo hoàn chỉnh một cách đồng bộ từ công trình đầu mối đến kênh mương các cấp ..*”

Thực hiện phương châm “*nhà nước và nhân dân cùng làm*” đã tạo ra nguồn vốn và nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và quản lý khai thác tốt hệ thống thủy lợi phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội nói chung và nông nghiệp nói riêng . Tuy nhiên “*do tư tưởng bao cấp nặng nề, ý lại nhà nước, coi nhẹ công tác quản lý khai thác nên công trình hư hỏng không có vốn sửa chữa, đang xuống cấp*” (Lê Duẩn – tháng 12/1974)

Thực trạng này đã được khắc phục thông qua các cơ chế chính sách về đầu tư xây dựng , thực hiện phân cấp đầu tư ở 3 cấp Trung ương, Tỉnh, người hưởng lợi (chủ yếu là nông dân) theo qui mô công trình “lớn, vừa, nhỏ”, cấp kênh loại 1, 2, 3

Quán triệt phương châm “*nhà nước và nhân dân cùng làm*” các địa phương đã huy động nhân dân đóng góp “sức người, sức của” để xây dựng công trình thủy lợi trên địa bàn.

Vốn huy động theo phương châm này chiếm tỷ trọng khá lớn (20 – 40 %) thông qua hình thức huy động “công nghĩa vụ” để đào đắp, hoặc thông qua chi trả tiền công ở mức thấp (do có sự đóng góp của dân), với 1 định suất được trả 1 kg gạo (theo giá bao cấp) để làm công trình, kênh mương mặt ruộng

Có rất nhiều Huyện, Xã đã huy động “sức dân” (kinh phí và công lao động) đếm mức tối đa, trong đó có : Huyện Phú Mỹ trong 5 năm (76-81) toàn huyện đã đầu tư 24,3 triệu đồng (giá hiện hành), trong đó nhân dân đã đóng góp 22, 8 triệu đồng (chiếm 94%), nhà nước hỗ trợ 1,5 triệu đồng, sử dụng 5 triệu ngày công để đào đắp xây dựng 8 hồ chứa nước vừa và nhỏ, đập ngăn mặn. Tỉnh Đắc Lắc có gần 500 công trình các loại được xây dựng bằng 3 nguồn vốn khác nhau, trong đó vốn nhà nước chiếm 40%, vốn của HTX và nhân dân chiếm 34%, số còn lại (26%) do các nguồn vốn khác

Riêng vốn cho bảo dưỡng (O&M) công trình các hệ thống thủy lợi được huy động người dân, thông qua chính sách thủy lợi phí, nhằm có đủ vốn để sửa chữa

kip thời những hư hỏng nhỏ, không dẫn đến hư hỏng lớn . Nhiều tỉnh huy động ngày công lao động công ích để làm thủy lợi trên địa bàn

Ngay từ năm 1963 Nhà nước đã ban hành Nghị định số 141 CP, kèm theo các Điều lệ Quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, Nghị định số 66 – CP, ngày 5 tháng 6 năm 1962 về việc ban hành điều lệ thủy lợi phí đã qui định mức thu thủy lợi phí theo nguyên tắc là : được hưởng nước từ công trình thủy lợi thì “phải chịu phí tổn về quản lý và tu sửa – Phí tổn này gọi là thủy lợi phí “ (điều 2) .

Đến năm 1984 nhà nước ban hành Nghị định 112 về Thủy lợi phí thay thế Nghị định 66. Thực hiện Nghị định này hàng năm thu được bình quân 400.000 – 430.000 tấn thóc (theo giá hiện tại ước tính tương đương 3.500 – 4000 tỷ đồng / năm theo giá hiện tại) giảm được một phần gánh nặng bao cấp của nhà nước, các công ty thủy nông có thêm vốn chủ động chi cho O&M, nâng cao được nhận thức và trách nhiệm trong việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn

Khi thế hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy lợi kéo dài trên 20 năm. Sau những năm 1995, đặc biệt sau những năm 2007 – 2008..có sự thay đổi về tổ chức chuyên ngành thủy lợi và chịu sự tác động của một số chính sách mới về thủy lợi phí..đã hạn chế khí thế của Hoàn chỉnh thủy nông. Tư tưởng ỷ lại nhà nước của người dân ngày càng nặng nề hơn, nhiều nơi nông dân không đóng trả thủy lợi phí nội đồng cho các tổ chức hợp tác dùng nước

Như vậy khí thế của hoàn chỉnh thủy nông không chỉ phát huy hiệu quả đầu tư công trình thủy lợi, mà còn khẳng định phát triển thủy lợi không thể thiếu sự tham gia của người dân và các bên liên quan (Chính phủ, chính quyền các cấp các tổ chức xã hội,các nhà đầu tư..) thông qua các cơ chế chính sách.

Bài học về sự thành công :

- 1, Có chủ trương với các mục tiêu cụ thể có sự thống nhất từ trung ương đến địa phương
- 2, Biện pháp thực hiện chủ trương ấy được đề ra từ Chính phủ, có sự chỉ đạo tập trung và rất quyết liệt bằng các văn bản (cơ chế, chính sách) để các cơ quan chuyên ngành , chính quyền các cấp thực hiện. Sự quan tâm điều hành, giám sát của Chính phủ đối với các ngành, các cấp có tính quyết định
- 3, Các ngành (thủy lợi, nông nghiệp, thủy lợi, kế hoạch, tài chính) là cơ quan tham mưu tích cực nhất cho Chính phủ. Các ngành phải đề xuất được biện pháp cụ thể (kỹ thuật, tài chính.) mang tính trách nhiệm chuyên ngành theo sự chỉ đạo của Chính phủ, phối hợp chặt chẽ với nhau, tập trung lực lượng để thực hiện trên cơ sở vì lợi ích, mục tiêu chung

Ngành thủy lợi là ngành chủ đạo đã tập trung nhân lực giải quyết các giải pháp kỹ thuật cụ thể (qui hoạch, thiết kế, thi công) trong đó qui hoạch phải đi trước một bước

4, Chính quyền các cấp từ Tỉnh, Huyện, xã đã coi công tác hoàn chỉnh thủy nông là nhiệm vụ chính trị quan trọng, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, phát động quần chúng, nhằm huy động toàn dân tham gia hoàn chỉnh thủy nông bằng nhiều hình thức khác nhau

Nhân dân là lực lượng nòng cốt thực hiện hoàn chỉnh thủy nông, cũng là lực lượng tham gia giám sát trên địa bàn..phát hiện kịp thời những sai sót để khắc phục